

Food 2

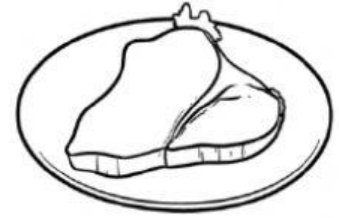
I. Vocabulary (từ vựng)



Salad: rau, quả trộn



Rice: cơm



Meat: thịt



Noodles: mì



Soup: món canh/ súp



Chips: khoai tây chiên

II. Structures (cấu trúc)

Do not = don't

Lưu ý: Khi quay hoặc ôn bài, câu trả lời có thể theo sở thích cá nhân, không cần đúng theo mẫu có sẵn.



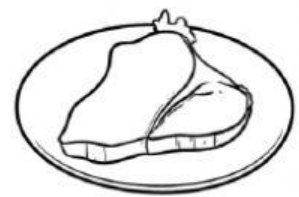
Do you like salad ?

Yes, I do.



Do you like rice?

No, I don't.



Do you like meat?

No, I don't.



Do you like noodles?

Yes, I do.



Do you like soup?

Yes, I do.



Do you like chips ?

No, I don't.

III.Exercise

A. Read and match



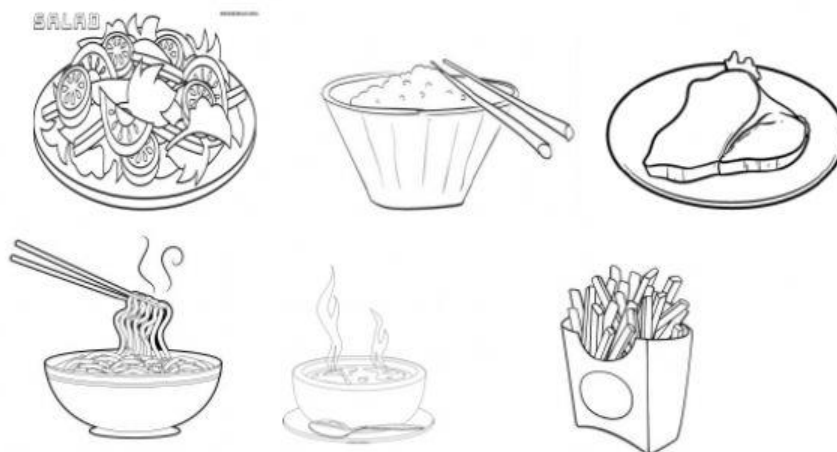
Salad



Meat



Rice



Noodle



soup



Chips

B. Listen and circle(nghe và khoanh đáp án đúng)

 I like salad.			
 I don't like soup.			
 I like noodle.			
 I don't like meat.			